

Số: 3437 /QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 11 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước
trên địa bàn tỉnh Bình Thuận năm 2019**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2231/QĐ-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách tỉnh năm 2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo các biểu đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước được giao, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể có trách nhiệm giao dự toán thu, chi cho các đơn vị trực thuộc bảo đảm khớp đúng với dự toán Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định dự toán thu, chi ngân sách trước ngày 17 tháng 12 năm 2018 và tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách được giao, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể và các đơn vị có liên quan xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể, điều hành tổ chức thực hiện tốt dự toán được giao.

1. Tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn để cải cách tiền lương trong năm 2019 từ một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan, đơn vị; tiết kiệm 10% số chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); 50% nguồn tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất, thu

xổ số kiến thiết); 50% kinh phí ngân sách địa phương giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính (do thực hiện tinh giản biên chế và đổi mới, sắp xếp lại bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả) và các đơn vị sự nghiệp công lập (do thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập) và nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2018 còn dư chuyển sang (nếu có).

Các huyện, thị xã, thành phố khi thực hiện cải cách tiền lương có khó khăn về nguồn do không điều hòa được tăng thu giữa các cấp ngân sách, giao Sở Tài chính tổng hợp khi thẩm định nhu cầu và nguồn cải cách tiền lương, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xác định số cần bổ sung từ ngân sách tỉnh để thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở trong năm 2019.

2. Giao Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí ngân sách địa phương, nguồn kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ và nguồn cải cách tiền lương của địa phương sau khi đã bảo đảm nhu cầu cải cách tiền lương để thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành theo quy định. Căn cứ kết quả thực hiện, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có báo cáo gửi Bộ Tài chính theo đúng quy định.

3. Giao Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí chi trả nợ lãi các khoản vay của chính quyền địa phương trong dự toán chi ngân sách địa phương; bố trí chi trả nợ gốc theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước từ nguồn bội thu ngân sách địa phương, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư và vay mới trong năm.

4. Các sở, ngành khi tham mưu UBND quyết định ban hành các chế độ, chính sách, nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định, phải có báo cáo đánh giá tác động đến ngân sách địa phương và có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính thực hiện trong phạm vi dự toán chi ngân sách địa phương được giao hàng năm và nguồn tài chính khác để thực hiện.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT và ủy viên UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH. vj



Nguyễn Ngọc Hai


ĐỰ TOÁN CHI HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP NĂM 2019

Đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3437/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh Bình Thuận)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	Chi Quản lý Nhà nước		
	Kinh phí xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng của các cơ quan quản lý nhà nước	1.460,00	
1	Xây dựng mới HTQLCL	172,26	
-	UBND xã Mương Mán, huyện Hàm Thuận Nam	5,94	
-	UBND xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam	5,94	
-	UBND xã Hàm Kiệm, huyện Hàm Thuận Nam	5,94	
-	UBND xã Hàm Cường, huyện Hàm Thuận Nam	5,94	
-	UBND xã Tân Lập, huyện Hàm Thuận Nam	5,94	
-	UBND xã Thuận Quý, huyện Hàm Thuận Nam	5,94	
-	UBND Thị trấn Thuận Nam, huyện Hàm Thuận Nam	5,94	
-	UBND xã Tân Phúc, huyện Hàm Tân	5,94	
-	UBND xã Tân Hà, huyện Hàm Tân	5,94	
-	UBND xã Tân Xuân, huyện Hàm Tân	5,94	
-	UBND thị trấn Tân Nghĩa, huyện Hàm Tân	5,94	
-	UBND thị trấn Tân Minh, huyện Hàm Tân	5,94	
-	UBND xã Đức Phú, huyện Tánh Linh	5,94	
-	UBND xã Đức Tân, huyện Tánh Linh	5,94	
-	UBND xã Bắc Ruộng, huyện Tánh Linh	5,94	
-	UBND xã Huy Khiêm, huyện Tánh Linh	5,94	
-	UBND xã Đồng Kho, huyện Tánh Linh	5,94	
-	UBND xã Đức Bình, huyện Tánh Linh	5,94	
-	UBND xã Đức Thuận, huyện Tánh Linh	5,94	
-	UBND xã Gia An, huyện Tánh Linh	5,94	
-	UBND xã Suối Kiết, huyện Tánh Linh	5,94	
-	UBND xã Đông Hà, huyện Đức Linh	5,94	
-	UBND xã Vũ Hoà, huyện Đức Linh	5,94	
-	UBND xã Sùng Nhơn, huyện Đức Linh	5,94	
-	UBND xã Đa Kai, huyện Đức Linh	5,94	
-	UBND xã Đức Tín, huyện Đức Linh	5,94	
	UBND xã Đức Chinh, huyện Đức Linh	5,94	
	UBND xã Trà Tân, huyện Đức Linh	5,94	
	UBND xã Tân Hà, huyện Đức Linh	5,94	
2	Duy trì, cải tiến HTQLCL	736,00	

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
-	Văn phòng UBND tỉnh	8,00	
-	Sở Nội vụ	8,00	
-	Sở Xây dựng	8,00	
-	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	8,00	
-	Sở Tư Pháp	8,00	
-	Sở Giáo dục và Đào tạo	8,00	
-	Sở Khoa học và Công nghệ	8,00	
-	Sở Y tế	8,00	
-	Sở Giao thông vận tải	8,00	
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	8,00	
-	Sở Tài nguyên và Môi trường	8,00	
-	Sở Kế hoạch và Đầu tư	8,00	
-	Sở Tài chính	8,00	
-	Sở Công Thương	8,00	
-	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	8,00	
-	Sở Thông tin và Truyền thông	8,00	
-	Chi cục TCĐLCL	8,00	
-	Chi cục Thủy lợi	8,00	
-	Ban Quản lý các khu công nghiệp	8,00	
-	Ban Dân tộc	8,00	
-	Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận	8,00	
-	Thanh tra tỉnh	8,00	
-	UBND thành phố Phan Thiết	8,00	
-	UBND huyện Tánh Linh	8,00	
-	UBND huyện Phú Quý	8,00	
-	UBND huyện Đức Linh	8,00	
-	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	8,00	
-	UBND huyện Hàm Tân	8,00	
-	UBND huyện Hàm Thuận Nam	8,00	
-	UBND huyện Bắc Bình	8,00	
-	UBND huyện Tuy Phong	8,00	
-	UBND thị xã La Gi	8,00	
-	Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm và Thủy sản	8,00	
-	Chi cục Văn thư - Lưu trữ	8,00	
-	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	8,00	
-	Chi cục Bảo vệ Môi trường	8,00	
-	Chi cục An toàn Vệ sinh Thực phẩm	8,00	
-	Chi cục Kiểm lâm	8,00	
-	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	8,00	
-	Chi cục Quản lý thị trường	8,00	
-	Chi cục Phát triển nông thôn	8,00	

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
-	Chi cục Quản lý đất đai	8,00	
-	Chi cục Biển và Hải đảo	8,00	
-	Chi cục Thủy sản	8,00	
-	Công an tỉnh	8,00	
-	Ban Thi đua – Khen thưởng	8,00	
-	Ban Tôn giáo	8,00	
-	Văn phòng Đăng ký đất đai	8,00	
-	UBND thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong	8,00	
-	UBND xã Chí Công, huyện Tuy Phong	8,00	
-	UBND xã Hồng Thái, huyện Bắc Bình	8,00	
-	UBND thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình	8,00	
-	UBND thị trấn Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc	8,00	
-	UBND xã Hàm Trí, huyện Hàm Thuận Bắc	8,00	
-	UBND xã Tân Thuận, huyện Hàm Thuận Nam	8,00	
-	UBND xã Hàm Minh, huyện Hàm Thuận Nam	8,00	
-	UBND xã Tân Thắng, huyện Hàm Tân	8,00	
-	UBND xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân	8,00	
-	UBND xã Nghị Đức, huyện Tánh Linh	8,00	
-	UBND thị trấn Lạc Tánh, huyện Tánh Linh	8,00	
-	UBND xã Mê Pu, huyện Đức Linh	8,00	
-	UBND thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh	8,00	
-	UBND phường Lạc Đạo, thành phố Phan Thiết	8,00	
-	UBND phường Đức Nghĩa, thành phố Phan Thiết	8,00	
-	UBND phường Mũi Né, thành phố Phan Thiết	8,00	
-	UBND phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết	8,00	
-	UBND phường Đức Long, thành phố Phan Thiết	8,00	
-	UBND xã Tiến Thành, thành phố Phan Thiết	8,00	
-	UBND phường Đức Thắng, thành phố Phan Thiết	8,00	
-	UBND phường Phú Tài, thành phố Phan Thiết	8,00	
-	UBND xã Tiến Lợi, thành phố Phan Thiết	8,00	
-	UBND phường Xuân An, thành phố Phan Thiết	8,00	
-	UBND phường Thanh Hải, thành phố Phan Thiết	8,00	
-	UBND phường Hưng Long, thành phố Phan Thiết	8,00	
-	UBND phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết	8,00	
-	UBND phường Bình Hưng, thành phố Phan Thiết	8,00	
-	UBND phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết	8,00	
-	UBND xã Phong Nấm, thành phố Phan Thiết	8,00	
-	UBND xã Thiện Nghiệp, thành phố Phan Thiết	8,00	
-	UBND phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết	8,00	
-	UBND xã Tân Phước, Thị xã La Gi	8,00	
-	UBND phường Bình Tân, Thị xã La Gi	8,00	
-	UBND phường Tân Thiện, Thị xã La Gi	8,00	
-	UBND phường Phước Lộc, Thị xã La Gi	8,00	
-	UBND xã Tân Bình, Thị xã La Gi	8,00	

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
-	UBND phường Tân An, Thị xã La Gi	8,00	
-	UBND xã Tân Tiến, thị xã La Gi	8,00	
-	UBND phường Phước Hội, thị xã La Gi	8,00	
-	UBND xã Tân Hải, Thị xã La Gi	8,00	
-	UBND xã Tam Thanh, huyện Phú Quý	8,00	
-	UBND xã Ngũ Phụng, huyện Phú Quý	8,00	
-	UBND xã Long Hải, huyện Phú Quý	8,00	
3	Kinh phí quản lý (Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)	221,74	
-	Tổ chức tập huấn duy trì áp dụng, cải tiến HTQLCL, chuyển đổi phiên bản ISO 9001:2008 sang phiên bản ISO 9001:2015 cho các cơ quan, đơn vị.	150,00	
-	Kiểm tra tình hình xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL của các cơ quan, đơn vị, địa phương	55,00	
-	Tham gia Hội nghị, hội thảo, tập huấn, đào tạo nâng cao kỹ năng kiểm tra, cập nhật các kiến thức mới, kinh nghiệm triển khai ISO	16,74	
4	Chi khác (theo phê duyệt của UBND tỉnh)	184,00	
5	Tiết kiệm 10%	146,00	